TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2017/DS-PT
Ngày: 01-8-2017
V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lâm.

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân Huyện DMC bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 4, ấp L, xã C, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 24, ấp PT, xã P, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn - bà Đặng Thị Ngọc L trình bày:

Anh Nguyễn Công S là bạn của con gái bà, có quen biết với gia đình bà, bà cho anh S vay tiền 02 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Ngày 11/10/2014 (Dương lịch) tại nhà bà, anh S hỏi mượn số tiền 150.000.000 đồng, mục đích để đi mua mì ở Chàng Riệc. Bà đồng ý và giao số tiền 150.000.000 đồng cho anh S; bà viết giấy nhận tiền, anh S ký tên và ghi họ tên.

+ Lần thứ hai: Cách lần vay tiền thứ nhất khoảng 6-7 ngày bà đến nơi mua mì của anh S tại Chàng Riệc, thấy anh S có mua mì. Sau khi từ Chàng Riệc về khoảng 3 - 4 ngày thì anh S điện thoại hỏi mượn bà tiếp số tiền 150.000.000 đồng. Bà đưa số tiền 150.000.000 đồng cho chị T (là con ruột của bà, quen với anh S) và cùng ngày chị T mang tiền lên giao cho anh S, không có làm giấy tờ. Khoảng 10 ngày sau thì chị T về nhà ở xã Chà Là; anh S bỏ đi, không còn mua mì; bà tìm kiếm anh S nhưng không gặp kéo dài đến ngày 10/02/2015 bà gặp anh S tại nhà chị T. Lúc này, bà yêu cầu anh S trả tiền nhưng anh S nói chưa có tiền hẹn để nhổ mì trả nên bà viết giấy "Biên nhận" có nội dung là anh S có mượn của bà số tiền 150.000.000 đồng của lần vay thứ hai và hẹn đến cuối tháng 06/2015 trả tiền cho bà; anh S ký tên và viết họ tên.

Khi viết giấy "Biên nhận" ngày 10/02/2015 không có thỏa thuận về việc trả số tiền 150.000.000 đồng mà anh S mượn bà lần thứ nhất vì ngày 11/10/2014 khi bà giao tiền cho anh S, anh S đã ký nhận, bà đã giữ giấy này. Trong 02 lần cho anh S vay tiền không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả; anh S nói mua mì có lời thì tiền lời về cho bà nhưng không nói sẽ trả bao nhiêu. Anh S nói hết vụ mì sẽ trả tiền gốc cho bà.

Nay bà yêu cầu anh S trả cho bà tổng cộng số tiền 02 lần vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Nhà nước quy định cụ thể:

+ Số tiền 150.000.000 đồng vay lần thứ nhất tính từ ngày 11/10/2014 DL cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm xong vụ kiện.

+ Số tiền 150.000.000 đồng vay lần thứ 2 tính từ ngày 10/02/2015 DL cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm xong vụ kiện.

Bị đơn - anh Nguyễn Công S trình bày:

Anh và chị T (con bà L) quen biết nhau và có hợp tác thực hiện việc mua bán mì, theo đó: chị T góp vốn, anh góp công đi mua mì mang về bán lại. Do bà L không tin tưởng chị T nên yêu cầu anh ký giấy nhận số tiền 150.000.000 đồng của bà L vào ngày 11/10/2014 và xem như số tiền này chị T góp vốn mua mì cùng với anh. Sau khi nhận số tiền 150.000.000 đồng thì 3 ngày sau anh giao lại số tiền này cho chị T nhưng không có làm giấy tờ.

Mua mì được khoảng 01 tháng kể từ ngày 11/10/2014 thì anh và chị T lỗ hết vốn không làm chung nữa. Đến ngày 10/02/2015 anh đến nhà chị T và gặp bà L; bà L viết giấy yêu cầu anh ký nhận nợ bà L số tiền 150.000.000 đồng mà bà L đưa cho anh vào ngày 11/10/2014 để bà L mang giấy này về cho chồng bà L. Bà L nói mục đích là để chồng bà L nghĩ rằng anh sẽ trả số tiền 150.000.000 đồng đã nhận ngày 11/10/2014 vào cuối tháng 06/2015 nên anh mới đồng ý ký giấy, nhưng thực chất số tiền này anh đã giao hết cho chị T.

Anh xác định giữa anh và bà L không có hợp tác làm chung, anh không có vay tiền của bà L như lời trình bày của bà L nên không đồng ý trả tiền như yêu cầu của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 29/3/2017 Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 474, 478 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L đối với anh Nguyễn Công S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Anh Nguyễn Công S có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 173.550.000 (một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 23.550.000 (hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Công S phải chịu 8.677.500 (tám triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm) đồng.

Bà Đặng Thị Ngọc L phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0014500 ngày 10/10/2016; (bà L đã nộp xong án phí).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017 Viện Kiểm sát nhân dân Huyện DMC có quyết định kháng nghị số 78/2017/KNPT-DS, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc anh S trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 13 tháng 4 năm 2017 bà Đặng Thị Ngọc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng buộc anh S phải hoàn trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử

đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Ngọc L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC; sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh S trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Ngọc L và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện DMC thì thấy rằng,

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L nhiều lần trình bày về việc cho anh S mượn tiền lần thứ hai là 150.000.000 đồng, số tiền này bà đưa cho chị T, chị T trực tiếp đưa lại cho anh S. Bà cung cấp chứng cứ là giấy "Biên nhận" đề ngày 10/02/2015, có nội dung anh S có mượn của bà 150.000.000 đồng và hẹn tháng 06/2015 sẽ trả. Tuy nhiên, qua lời khai của bà L thì thấy rằng, bà L khai không thống nhất về thời gian cho anh S mượn tiền, bà trình bày bà giao tiền cho chị T, chị T trực tiếp đưa tiền cho anh S, nhưng khi giao nhận tiền chị T và anh S không làm giấy tờ; anh S không thừa nhận việc có nhận tiền từ chị T. Mặt khác, chị T là người trực tiếp giao tiền cho anh S cũng không xác định chính xác được thời gian giao tiền. Ngoài ra, sau khi bà L cho anh S mượn tiền, anh S có bỏ đi lánh mặt bà L một thời gian, nhưng ngày 10/02/2015 bà L gặp anh S thì chỉ làm giấy biên nhận hẹn trả số tiền 150.000.000 đồng, bà L cho rằng anh S thiếu bà số tiền 300.000.000 đồng nhưng khi gặp anh S sau khoảng thời gian anh S bỏ đi, bà L lại không chốt nợ. Do đó, lời trình bày của anh S về biên nhận ngày 10/02/2015 là giấy hẹn nợ để trả số tiền 150.000.000 đồng anh nhận của bà L vào ngày 11/10/2014 là có căn cứ. Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện DMC kháng nghị cho rằng căn cứ vào lời khai của chị T là người trực tiếp giao số tiền 150.000.000 đồng lần 2 cho anh S vào ngày 10/02/2015, có làm biên nhận và anh S ký nhận nên cần buộc anh S trả lại số tiền 150.000.000 đồng trên cho bà L, là không đủ cơ sở.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với anh S về số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/02/2015 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh

khác cho yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những nhận định trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 474, 478 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án; Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Ngọc L;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L đối với anh Nguyễn Công S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Anh Nguyễn Công S có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 173.550.000 (một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 23.550.000 (hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Công S phải chịu 8.677.500 (tám triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm) đồng.

Bà Đặng Thị Ngọc L phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0014500 ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC. Bà L đã nộp xong án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015124 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Lâm